

Bản án số: 51/2024/HSST
Ngày: 02/5/2024.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HOÀ BÌNH, TỈNH HÒA BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Quỳnh Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Nga, bà Nguyễn Thị Mai Linh.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thanh Uyên - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hòa Bình tham gia phiên tòa:*
Bà Trần Thị Ngọc Lê - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 32/2024/HSST ngày 11 tháng 3 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2024/QĐXXST- HS ngày 19 tháng 3 năm 2024 đối với:

Bị cáo: **Hồ Thái S**; sinh ngày 13/6/1991.

Nơi cư trú: **Tổ E, phường T, thành phố H, tỉnh Hòa Bình.**

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông **Hồ Xuân T** và bà **Nguyễn Thị T1**; Có vợ là **Nguyễn Ngọc L**; Có 01 con sinh năm 2024; Gia đình bị cáo có 02 chị em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 24/5/2018, tại Bản án số 34/2018/HSST của Tòa án nhân dân quận 2, thành phố Hồ Chí Minh (nay là Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh) xử phạt 03 năm tù về tội Cướp tài sản (Đã chấp hành xong).

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 15/12/2023 đến ngày 20/12/2023. Hiện bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, được triệu tập, có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh **Nguyễn Mạnh T2**, sinh năm 2005; Nơi thường trú: **thôn Q, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Bình** (Vắng mặt).

2. Anh **Bùi Đức H**, sinh năm 2005; Nơi thường trú: **xóm D, xã D, huyện C, tỉnh Hòa Bình** (Vắng mặt).

3. Anh **Cáp Trọng T3**, sinh năm 1987; Nơi thường trú: **xóm D, xã M, TP H, tỉnh Hòa Bình** (Vắng mặt).

4. Chị **Nguyễn Ngọc L**, sinh năm 2002; Nơi cư trú: **Tổ E, phường T, thành phố H, tỉnh Hòa Bình** (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trên cơ sở các tài liệu điều tra xác định: Trong quá trình kinh doanh, **Hồ Thái S** có nhận cho vay có thể chấp, cầm cố xe ô tô, xe mô tô để thu lời. Quá trình cho vay, **Hồ Thái S** không ghi chép lại, cũng không có mức lãi suất cố định mà tùy vào từng người vay, thời điểm và giá trị tài sản cầm cố cụ thể. Khi cho vay, **Hồ Thái S** yêu cầu người vay viết giấy bán xe, để lại xe cùng đăng ký xe để ràng buộc người vay trả nợ, đóng lãi đúng hạn. Từ ngày 16/11/2023 đến 15/12/2023, **Hồ Thái S** đã có hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự cụ thể như sau:

*** Cho vay mức lãi suất vượt quá 5 lần lãi suất cho phép (20%) theo quy định của Bộ luật dân sự:**

Hồ Thái S cho 03 người vay với mức lãi suất từ 260,71%/năm – 2129,17%/năm vượt mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự (20%) từ 13,04 lần – 106,46 lần, cụ thể:

1. **Hồ Thái S** cho anh **Nguyễn Mạnh T2** vay số tiền 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng) chia thành 02 lần như sau:

Lần 1: Ngày 16/11/2023, **Hồ Thái S** cho **Nguyễn Mạnh T2** vay số tiền 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng), cầm cố xe mô tô Honda Vision BKS 28H1 – 102.43 trong 14 ngày, từ 16/11/2023 đến 29/11/2023 với tiền lãi là 700.000 đồng (bảy trăm nghìn đồng), tương ứng mức lãi suất 260,71%/năm, vượt quá mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự 13 lần (số tiền lãi tối đa theo quy định **S** được hưởng là 53.699 đồng, **Hồ Thái S** thu lời bất chính 646.301 đồng). **Hồ Thái S** trừ luôn tiền lãi vào số tiền gốc, và đưa cho **T2** 6.300.000 đồng, **T2** và **S** làm giấy tờ mua bán xe mô tô, để lại đăng ký xe.

Đến ngày 30/11/2023 do chưa có tiền trả, **Nguyễn Mạnh T2** nhắn tin cho **Hồ Thái S** qua tài khoản zalo đề gia hạn vay thêm 7 ngày (từ ngày 30/11/2023 đến 06/12/2023), **S** đồng ý và thỏa thuận với **T2** tiền lãi là 700.000 đồng (bảy trăm nghìn đồng), **T2** đồng ý và nhờ bạn là **Bùi Đức H** chuyển khoản cho **S** qua số tài khoản ngân hàng **M** (BL 86, 100). Đến ngày 07/12/2023 **Nguyễn Mạnh T2** đến gặp **Hồ Thái S** để trả tiền lấy xe, **S** yêu cầu **T2** trả thêm 300.000 đồng tiền lãi, tổng tiền lãi từ 30/11/2023 đến 06/12/2023 **T2** trả cho **S** là 1.000.000 đồng, tương đương lãi suất 744,9%/năm, vượt quá mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự 37,2 lần (số tiền lãi tối đa theo quy định **S** được hưởng là 26.849 đồng, **Hồ Thái S** thu lời bất chính 973.151 đồng). **Nguyễn Mạnh T2** đã trả số tiền gốc 7.000.000 đồng cùng toàn bộ tiền lãi cho **Hồ Thái S** (BL102), lấy lại xe mô tô cùng đăng ký xe.

Như vậy, từ ngày 16/11/2023 đến 07/12/2023, với số tiền vay gốc 7.000.000 đồng cho người vay **Nguyễn Mạnh T2**, **Hồ Thái S** lấy tiền lãi 14 ngày đầu (16/11 đến 29/11/2023) là 700.000 đồng và 08 ngày sau đó (từ 30/11 đến 07/12/2023) tiền lãi là 1.000.000 đồng, tương ứng với mức lãi suất 260,71%/năm và 744,9%/năm, vượt mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự 13,04 lần và 37,24 lần. Số tiền lãi **S** được hưởng theo quy định là 53.699 đồng + 26.489 đồng = 80.188 đồng. **Hồ Thái S** thu lời bất chính số tiền 646.301 đồng + 973.151 đồng = 1.619.452 đồng.

Lần 2: Ngày 27/11/2023, **Hồ Thái S** tiếp tục cho **Nguyễn Mạnh T2** vay số tiền 5.000.000 đồng, cầm cố xe mô tô Honda Dream BKS 90B1 – 506.50. **S** và **T2** thỏa thuận tiền lãi trong 05 ngày (từ ngày 27/11/2023 đến ngày 01/12/2023) là 500.000 đồng, **S** trừ luôn tiền lãi vào tiền gốc và chuyển số tiền 4.500.000 đồng qua tài khoản cho **T2**, **T2** và **S** làm giấy tờ mua bán xe, **T2** để lại xe mô tô và đăng ký xe cho **S**. Đến ngày 04/12/2023, do chưa có tiền trả nên **T2** thỏa thuận với **S** gia hạn thêm ngày vay, **S** đồng ý, bỏ cho **T2** 02 ngày lãi và thống nhất tiền lãi từ ngày 04/12/2023 đến 09/12/2023 là 500.000 đồng, **T2** đồng ý và chuyển khoản cho **S**. Tiếp theo vào các ngày 09/12/2023, 14/12/2023, **Nguyễn Mạnh T2** đều thỏa thuận với **Hồ Thái S** gia hạn ngày vay thêm 05 ngày và đóng lãi số tiền 500.000 đồng, gia hạn vay đến ngày 19/12/2023, tiền lãi **T2** đã chuyển đầy đủ cho **S**. Ngày 15/12/2023, **Nguyễn Mạnh T2** cùng bạn là **Bùi Đức H**, sinh năm 2005, trú tại **D, C, Hòa Bình** đến cửa hàng gặp **Hồ Thái S** để trả tiền gốc, lấy lại xe. **S** thấy **T2** lấy xe sớm hơn ngày hẹn (19/12/2023) nên trừ 400.000 đồng tiền lãi cho **T2**. **T2** đưa 5.000.000 đồng tiền gốc đưa cho **Bùi Đức H** để thanh toán cho **S** nhưng chưa thanh toán xong thì bị cơ quan công an kiểm tra.

Như vậy từ ngày 27/11/2023 đến ngày 15/12/2023 (16 ngày do **S** đồng ý không tính lãi 02 ngày), **Hồ Thái S** cho **Nguyễn Mạnh T2** vay số tiền 5.000.000 đồng, tiền lãi tổng cộng 1.600.000 đồng (**S** và **T2** đã thỏa thuận trừ 400.000 đồng tiền lãi do lấy xe trước hạn), tương đương với lãi suất 730%/năm, vượt quá mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự 36,5 lần (số tiền lãi tối đa **S** được hưởng là 43.836 đồng, **Hồ Thái S** thu lời bất chính số tiền 1.556.164 đồng).

2. **Hồ Thái S** cho anh **Bùi Đức H** vay số tiền cụ thể như sau:

Ngày 10/12/2023, **Hồ Thái S** cho **Bùi Đức H** vay số tiền 40.000.000 đồng, cầm cố xe mô tô Honda SH 125i BKS 28H1 – 371.52 trong thời hạn 03 ngày (từ ngày 10/12/2023 đến ngày 12/12/2023) với tiền lãi là 7.000.000 đồng, tương ứng với mức lãi suất 2129,17%/năm, vượt mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự 106,46 lần (số tiền lãi tối đa **S** được hưởng theo quy định là 65.753 đồng, **S** thu lời bất chính số tiền 6.934.247 đồng). **S** cắt lại số tiền lãi và chuyển cho **H** số tiền 33.000.000 đồng. **H** và **S** làm giấy tờ mua bán xe, **S** giữ lại xe mô tô cùng đăng ký xe.

Đến ngày 13/12/2023, do chưa có tiền trả, **Hoàng liên h** với **S** để gia hạn thêm ngày vay, **S** và **H** thỏa thuận gia hạn thêm 02 ngày vay (ngày 13/12/2023 đến 14/12/2023) với số tiền lãi là 1.000.000 đồng. Đến ngày 14/12/2023 **H** tiếp tục xin gia hạn thêm đến ngày 15/12/2023 với số tiền lãi 500.000 đồng và đã chuyển tổng cộng 1.500.000 đồng tiền lãi vào tài khoản **ngân hàng M** số 6700186869999 của **Hồ**

Thái S. Số tiền lãi 1.500.000 đồng trong thời hạn 03 ngày tương ứng với mức lãi suất 456,25%/năm, vượt mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự 22,81 lần (số tiền lãi tối đa theo quy định **S** được hưởng là 65.753 đồng, **S** thu lợi bất chính số tiền 1.434.247 đồng). Ngày 15/12/2023, **Bùi Đức H** đi cùng bạn là **Nguyễn Mạnh T2** đến cửa hàng của **Hồ Thái S** để trả tiền gốc và lấy lại xe mô tô cùng đăng ký xe, **H** và **S** đang đếm tiền để trả thì bị cơ quan công an kiểm tra, mời về trụ sở làm việc.

Như vậy từ ngày 10/12/2023 đến ngày 15/12/2023 (06 ngày), **Hồ Thái S** cho **Bùi Đức H** vay số tiền 40.000.000 đồng, **Hồ Thái S** lấy tiền lãi 03 ngày đầu (10/12 đến 12/12/2023) là 7.000.000 đồng và 03 ngày sau đó (từ 13/12 đến 15/12/2023) tiền lãi là 1.500.000 đồng, tương ứng với mức lãi suất 2129,17%/năm và 456,25%/năm, vượt mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự 106,46 lần và 22,81 lần. Số tiền lãi tối đa **S** được hưởng theo quy định là 131.146 đồng. **Hồ Thái S** thu lợi bất chính số tiền 8.368.494 đồng.

3. **Hồ Thái S** cho anh **Cáp Trọng T3** vay số tiền cụ thể như sau:

Ngày 05/12/2023, **Hồ Thái S** cho **Cáp Trọng T3** vay số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng), cầm cố xe ô tô nhãn hiệu Nissan Terra BKS 28A – 104.42 trong thời hạn 05 ngày (từ ngày 05/12/2023 đến ngày 09/12/2023) với tiền lãi 14.000.000 đồng. **Hồ Thái S** trừ luôn tiền lãi và chuyển khoản cho anh **T3** số tiền 186.000.000 đồng qua tài khoản MB 6700186869999 của **S** (BL86, 107). **S** và **T3** làm giấy tờ mua bán xe, **S** giữ lại xe ô tô cùng giấy tờ. Đến ngày 10/12/2023 do chưa có tiền trả nên anh **T3** nhắn tin cho **S** đề nghị gia hạn ngày vay, **S** và **T3** thỏa thuận gia hạn thêm 05 ngày vay (từ 10/12/2023 đến 14/12/2023) với tiền lãi 14.000.000 đồng, anh **T3** đã chuyển khoản số tiền lãi này cho **S** (BL 108). Đến ngày 15/12/2023, **Cáp Trọng T3** đến gặp **S** trả tiền gốc 200.000.000 đồng cho **S** và lấy xe ô tô cùng giấy tờ về.

Như vậy trong thời hạn 10 ngày (từ 05/12/2023 đến 14/12/2023) **Hồ Thái S** cho **Cáp Trọng T3** vay số tiền 200.000.000 đồng, tiền lãi tổng cộng 28.000.000 đồng, tương ứng với mức lãi suất 511%/năm, vượt mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự 25,55 lần (tiền lãi tối đa **S** được hưởng theo quy định là 1.095.890 đồng, **S** thu lợi bất chính 26.904.110 đồng).

Như vậy, **Hồ Thái S** đã cho 03 người vay (04 lần) với tổng số tiền 252.000.000đ (hai trăm năm mươi hai triệu đồng) những người vay đã tất toán với 260,71%/năm – 2129,17%/ năm vượt mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự (20%) từ 13,04 lần – 106,46 lần.

Tổng số tiền lãi **Hồ Thái S** thu lợi bất chính được là 38.448.220đ (Ba mươi tám triệu bốn trăm bốn mươi tám nghìn hai trăm hai mươi đồng). Trong đó:

- Tổng số tiền được hưởng theo quy định là 1.351.718đ (Một triệu ba trăm năm mươi một nghìn bảy trăm mười tám đồng)

- Tổng số tiền lãi **Hồ Thái S** được hưởng trên mức 20% là 37.096.501đ (Ba mươi bảy triệu không trăm chín mươi sáu nghìn năm trăm linh một đồng)

Ngày 20/12/2023, Ngân hàng N chi nhánh tỉnh H có văn bản số 75/TTGSNH trả lời: Xác nhận kết quả tính lãi suất và số tiền thu lời bất chính của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H đối với đối tượng Hồ Thái S, sinh năm 1991, trú tại Tổ E phường T, thành phố H, tỉnh Hòa Bình là đúng quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư số 14/2017/TT-NHNN ngày 29/9/2017 của Thống đốc Ngân hàng N quy định phương pháp tính lãi trong hoạt động nhận tiền gửi, cấp tín dụng giữa tổ chức tín dụng với khách hàng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Hồ Thái S khai nhận toàn bộ hành vi của mình, phù hợp với các tài liệu điều tra thu thập được.

Cáo trạng số 40/CT-VKS ngày 11/3/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hòa Bình, truy tố Hồ Thái S về “Tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, Viện kiểm sát giữ nguyên Cáo trạng đã truy tố, căn cứ vào khoản 1 Điều 201; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử, xử phạt Hồ Thái S từ 55.000.000đ (Năm mươi lăm triệu đồng) đến 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng); Về hình phạt bổ sung: Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo; Về các biện pháp tư pháp: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc Hồ Thái S phải có nghĩa vụ hoàn trả lại số tiền lãi đã thu lời bất chính cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tịch thu sung Công quỹ số tiền gốc bị cáo đã cho vay để thu lời bất chính và số tiền lãi bị cáo được hưởng lợi.

Về xử lý vật chứng đề nghị Hội đồng xét xử tuyên tịch thu, phát mại, xung Ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 của Hồ Thái S.

Đối với số tiền 10.900.000 đồng thu giữ từ Hồ Thái S và số tiền 34.100.000 đồng thu giữ từ Bùi Đức H, tổng số tiền là 45.000.000 đồng. Xét đây là tiền bị cáo sử dụng làm công cụ phạm tội, do vậy đề nghị Hội đồng xét xử tuyên tịch thu, sung công quỹ.

Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, phần tranh luận không có ý kiến gì.

Lời sau cùng, bị cáo xin được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra; Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hòa Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo tại phiên tòa thể hiện: Trong quá trình kinh doanh, **Hồ Thái S** có nhận cho vay có thể chấp, cầm cố xe ô tô, xe mô tô để thu lời tại nhà riêng bị cáo thuộc **tổ E, phường T, thành phố H, tỉnh Hòa Bình**. Bị cáo đã cho 03 cá nhân vay với tổng số 04 lần, quá trình cho vay, bị cáo **S** không ghi chép lại, cũng không có mức lãi suất cố định mà tùy vào từng người vay, thời điểm và giá trị tài sản cầm cố cụ thể (tương ứng với mức lãi suất từ 260,71%/năm đến 2129,17%/năm), vượt mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự từ 13,04 lần đến 106,46 lần. Số tiền bị cáo đã thu lời bất chính qua 04 lần cho vay có tổng là **38.448.220đ** (*Ba mươi tám triệu bốn trăm bốn mươi tám nghìn hai trăm hai mươi đồng*).

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực pháp luật hình sự, nhận thức được hành vi cho vay lãi nặng là vi phạm pháp luật, nhưng do ham lời bất chính, bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Như vậy, đủ cơ sở kết luận hành vi của **Hồ Thái S** đã phạm vào tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

[4]. Xét tính chất, mức độ của hành vi phạm tội: Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tuy nhiên hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ và lợi ích công dân được pháp luật bảo vệ, do đó cần có mức hình phạt tương ứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

[5]. Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra bị cáo đã tự nguyện đầu thú; Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xét bị cáo không có tình tiết tăng nặng và có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bản thân bị cáo có nơi cư trú ổn định, rõ ràng. Do đó xử phạt bị cáo hình phạt tiền cũng đủ cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa tội phạm chung.

[6] Xét bị cáo là lao động tự do, không có việc làm và thu nhập ổn định nên miễn việc khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo là đúng theo quy định.

[7] Về nguồn gốc số tiền **Hồ Thái S** sử dụng để cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, quá trình điều tra xác định là **Hồ Thái S** dùng tiền của cá nhân **S** và vợ là **Nguyễn Ngọc L** để thực hiện kinh doanh và cho vay lãi nặng. Quá trình điều tra xác định **Nguyễn Ngọc L** không biết bị cáo **S** sử dụng tiền của gia đình để thực hiện

hành vi vi phạm pháp luật nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý trách nhiệm đối với **Nguyễn Ngọc L** trong vụ án này là có căn cứ, đúng quy định.

[8] Các biện pháp tư pháp:

- Đối với số tiền gốc **S** sử dụng để cho những người vay gồm anh **Cáp Trọng T3**, anh **Bùi Đức H** và **Nguyễn Mạnh T2** tổng là 252.000.000 đồng và số tiền lãi tương ứng mức lãi suất theo quy định của Bộ luật dân sự là 1.351.781đ (Một triệu ba trăm năm mươi một nghìn bảy trăm tám một đồng), xét đây là tiền bị cáo sử dụng làm công cụ phạm tội và có được từ việc phạm tội, nên cần truy thu sung Công quỹ. Được đối trừ số tiền 45.000.000 đồng Cơ quan điều tra đã thu giữ quả tang của bị cáo và người liên quan - anh **Nguyễn Mạnh T2** trong quá trình giao dịch.

- Đối với số tiền bị cáo thu được của người vay, gồm: Anh **Nguyễn Mạnh T2** 3.175.616 đồng; Anh **Bùi Đức H** 8.368.494 đồng; Anh **Cáp Trọng T3** 26.904.110 đồng. Tổng là: 38.448.220đ (Ba mươi tám triệu bốn trăm bốn mươi tư nghìn hai trăm hai mươi đồng). Xét đây là số tiền bị cáo thu lời bất chính của những người vay, cần buộc bị cáo trả lại số tiền trên cho những người vay.

[9] Về trách nhiệm dân sự:

Đối với số tiền 400.000 đồng là tiền lãi **T2** đã đưa cho **S** trong quá trình vay số tiền gốc 5.000.000 đồng, tuy nhiên vào thời điểm **T2** gặp bị cáo **S** để thanh toán tiền vay trước thời hạn 04 ngày, **S** và **T2** đã thống nhất do thanh toán trước hạn nên **S** sẽ trả lại 400.000đ cho **T2**, không liên quan đến số tiền lãi **T2** phải trả. Tuy nhiên trong quá trình giao dịch, **S** chưa kịp trả lại số tiền trên cho **T2** thì bị Cơ quan Công an kiểm tra. Xét thấy số tiền 400.000 đồng nêu trên không phải là tiền lãi phát sinh từ hành vi cho vay lãi nặng của **S**. Trong quá trình giải quyết vụ án, phía người liên quan anh **Nguyễn Mạnh T2** không yêu cầu **S** phải thanh toán khoản tiền 400.000 đồng nêu trên, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết trong vụ án này.

[10] Về xử lý vật chứng:

- Đối với xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream BKS 90B1 – 506.60 cùng đăng ký xe là tài sản của anh **Nguyễn Mạnh T2**; xe mô tô nhãn hiệu Honda SH BKS 28H1-371.52 cùng đăng ký xe là tài sản của anh **Bùi Đức H**; Xe ô tô Nissan Terra BKS 28A – 104.42 là tài sản của anh **Cáp Trọng T3**, Cơ quan điều tra đã trả lại các tài sản trên cho chủ sở hữu hợp pháp là phù hợp theo quy định.

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 thu giữ của **Hồ Thái S**, xét **S** đã sử dụng trong quá trình liên lạc, chuyển tiền cho những người vay, là công cụ, phương tiện phạm tội, nên cần tịch thu, phát mai, sung Công quỹ.

- Đối với số tiền 10.900.000 đồng thu giữ từ **Hồ Thái S** và số tiền 34.100.000 đồng thu giữ từ **Bùi Đức H**, tổng số tiền là 45.000.000 đồng. Xét đây là tiền bị cáo sử dụng làm công cụ phạm tội cần tịch thu, sung công quỹ và được đối trừ vào số tiền gốc bị cáo **S** phải bị truy thu.

[11] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo **Hồ Thái S** phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Căn cứ khoản 1 Điều 201; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Hồ Thái Sơn 55.000.000đ (Năm mươi lăm triệu đồng).

2. Về biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46, 47, 48 của Bộ luật Hình sự:

2.1. Truy thu của bị cáo **Hồ Thái S** số tiền gốc dùng để cho vay là 207.000.000đ (hai trăm linh bảy triệu đồng) và số tiền lãi là 1.351.781đ (Một triệu ba trăm năm mươi một nghìn bảy trăm tám một đồng) để sung quỹ Nhà nước. Tổng là 208.351.781đ (Hai trăm linh tám triệu ba trăm năm mươi một nghìn bảy trăm tám một đồng)

2.2. Buộc **Hồ Thái S** phải trả lại số tiền thu lời bất chính cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, cụ thể:

- Trả cho anh **Nguyễn Mạnh T2**: 3.175.616đ (Ba triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn sáu trăm mười sáu đồng);

- Trả cho anh **Bùi Đức H**: 8.368.494đ (Tám triệu ba trăm sáu mươi tám nghìn bốn trăm chín mươi tư đồng);

- Trả cho anh **C Trọng Trung**: 26.904.110đ (Hai mươi sáu triệu chín trăm linh tư nghìn một trăm mười đồng).

Sau khi bản án có hiệu lực, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tuyên

- Tịch thu, phát mại, sung công quỹ Nhà nước 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6; màu trắng; số Imei: 356984064985687, tình trạng đã qua sử dụng thu giữ của **Hồ Thái S**.

- Tịch thu số tiền 10.900.000đ (Mười triệu chín trăm nghìn đồng) thu giữ từ **Hồ Thái S** và số tiền 34.100.000đ (Ba mươi tư triệu một trăm nghìn đồng) thu giữ từ anh **Bùi Đức H**, tiền **Ngân hàng N** trong 01 (một) phong bì niêm phong, trên mặt ghi chữ “Vật chứng vụ cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, xảy ra ngày 15/12/2023, tại **tổ B, phường T, thành phố H**”. Trên các mép dán có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong và dấu đỏ của Cơ quan CSĐT **Công an thành phố H**.

(Theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản số: 72/BB/24 ngày 03/4/2024 giữa Cơ quan CSĐT **Công an thành phố H**, tỉnh Hòa Bình và Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Hòa Bình).

4. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Bị cáo **Hồ Thái S** phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Trường hợp vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh HB;
- VKSND tỉnh HB;
- Sở tư pháp tỉnh HB;
- VKSND thành phố HB;
- Công an thành phố HB;
- Thi hành án hình sự;
- Chi cục Thi hành án DS TPHB;
- Bị cáo; Người có quyền lợi, NVLQ;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ Tọa phiên tòa

Đỗ Thị Quỳnh Anh